

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VINH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST
Ngày: 21 - 01 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VINH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Khem

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2021/TLST-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Đại H, sinh năm 1973 – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M.

Địa chỉ thường trú: phường P, TP. N, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên hệ: phường K, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Diễm M, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Anh Phạm Văn N, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2021 của nguyên đơn ông Trần Đại H, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2016, ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M có bán thức ăn và thuốc thủy sản cho anh Phạm Văn N. Việc mua bán không có lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Theo thỏa thuận, ông H có cử Kỹ sư thủy sản có chuyên môn sẽ thường xuyên đến nhà theo dõi quá trình phát triển của tôm và hướng dẫn anh N cách nuôi và chăm sóc. Hàng hóa được anh N hay người nhà của anh N đến lấy hàng thì hai bên đều ký sổ giao nhận hàng và sổ tay cá nhân của khách hàng. Sau khi kết thúc vụ tôm, anh N phải thanh toán dứt điểm công nợ. Quá trình giao dịch mua bán diễn ra từ ngày 07/7/2015 đến ngày 27/7/2016, ông H đã thực hiện đúng N vụ của mình, nhưng anh N không thực hiện N vụ thanh toán như đã thỏa thuận. Đến ngày 06/12/2018 và ngày 11/11/2020 giữa ông H và anh N có chốt công nợ lại với nhau. Tính đến nay, anh N còn nợ ông H số tiền 82.161.000 đồng.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết và buộc anh Phạm Văn N phải thanh toán số tiền 82.161.000 đồng (*Tám mươi hai triệu, một trăm sáu mươi một ngàn đồng*) cho ông H được chia làm các đợt như sau: Trong tháng 02/2022, anh N phải trả cho ông H số tiền 12.000.000 đồng, các tháng còn lại từ tháng 3/2022 đến tháng 11/2022 mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, tháng 12/2022 trả 12.000.000 đồng và các tháng còn lại từ tháng 01/2023 trở về sau mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp anh Phạm Văn N không đồng ý theo cách thức thanh toán nêu trên thì ông H yêu cầu anh N phải thanh toán một lần dứt điểm số nợ nêu trên cho ông H ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn N trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2016, anh có mua thức ăn và thuốc thủy sản của ông Trần Đại H. Việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói đúng như người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày. Tính đến thời điểm hiện nay, anh còn thiếu ông H số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 82.161.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế của anh hiện nay đang gặp khó khăn, vì nuôi tôm luôn bị thất mùa. Nên anh chưa có tiền để thanh toán cho ông H. Anh chỉ có khả năng thanh toán cho anh H mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Cho nên theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn như đã nêu trên thì anh không đồng ý.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tổ tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và N vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu cho nguyên đơn là 82.161.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có địa chỉ tại ấp G, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, nguyên đơn ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M có thỏa thuận bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho bị đơn anh Phạm Văn N. Khi kết toán lại, anh N còn nợ ông H số tiền 82.161.000 đồng và hai bên có ký đối chiếu xác nhận nợ với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh N thừa nhận còn nợ đối với ông H số tiền nêu trên. Do đó, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 11/11/2020, anh Phạm Văn N còn nợ ông Trần Đại H số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 82.161.000 đồng. Sau thời điểm nêu trên, ông H đã đến gặp anh N để yêu cầu thanh toán số tiền nợ thức ăn còn thiếu. Nhưng cho đến nay anh N vẫn chưa thanh toán cho ông H là vi phạm N vụ trả tiền đối với hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [3] và [4], Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu Tòa án buộc bị đơn anh Phạm Văn N trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu 82.161.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và cần buộc bị đơn anh N trả số tiền nêu trên cho ông H là đúng với quy định của pháp luật.

[6] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng anh Phạm Văn N phải trả lãi suất cho ông H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Xét lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M, về việc yêu cầu bị đơn anh Phạm Văn N trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu là 82.161.000 đồng.

Buộc bị đơn anh Phạm Văn N thanh toán số tiền 82.161.000 đồng (*Tám mươi hai triệu, một trăm sáu mươi một ngàn đồng*) cho ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M.

2. Về N vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng anh Phạm Văn N phải trả lãi suất cho ông H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn anh Phạm Văn N phải chịu số tiền 4.108.050 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.054.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008787 ngày 01/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Đua

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Khánh Long Nguyễn Huỳnh Hoa

Đặng Văn Đua

